

TỔNG QUAN LÝ THUYẾT VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC BÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM

REVIEWING THEORIES AND PROPOSING MODEL OF INTERNAL EDUCATION QUALITY ASSURANCE FOR UNIVERSITIES IN THE CONTEXT OF INTEGRATION AND EDUCATION INNOVATION IN VIETNAM

BÙI NGỌC HỮU VINH^(*), NGUYỄN THÀNH NHÂN^(**)

^(*)Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, ^(**)Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, *ntnhan@hcmussh.edu.vn*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 16/10/2020 Ngày nhận lại: 16/11/2020 Duyệt đăng: 21/12/2020 Mã số: TCKH-S04T12-B41-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: đảm bảo chất lượng, mô hình đảm bảo chất lượng bên trong "CIPOF", giáo dục đại học, hội nhập, đổi mới giáo dục.</p> <p>Key words: quality Assurance, the "CIPOF" Internal Quality Assurance Model, higher education, integration, education innovation.</p>	<p><i>Đảm bảo chất lượng vừa là điều kiện, vừa là mục tiêu của mọi hoạt động trong nhà trường đại học, đồng thời còn là yếu tố then chốt khẳng định vị thế, uy tín của trường đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả trong và ngoài nước liên quan đến đảm bảo chất lượng bên trong, thông qua phân tích bối cảnh thực tiễn giáo dục đại học ở nước ta, và phân tích các mô hình đảm bảo chất lượng trong giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, tác giả đề xuất mô hình đảm bảo chất lượng bên trong của trường đại học Việt Nam hiện nay.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>Quality Assurance (QA) is both the condition and the goal of all activities in universities and also a key factor confirming the university's position and prestige in the context of international integration. On the basis of reviewing scientific researches of domestic and foreign authors related to internal quality assurance, through analysis of practical context of higher education in our country, and through analyzing QA models in education in general and in higher education in particular, the authors propose an internal quality assurance model of current Vietnamese universities.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế khiến cho nền kinh tế tri thức đã và đang trở thành một nguồn chủ yếu của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trong đó, giáo dục đại

học chuyển động dưới tác động của những động lực mới. Vì vậy, nhiều quốc gia coi việc đổi mới giáo dục đào tạo, đa dạng các loại cơ sở giáo dục và nguồn cung ứng, hội nhập quốc tế là yếu tố

sống còn trong chiến lược phát triển chung của hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

Vấn đề đảm bảo chất lượng không chỉ có ý nghĩa đối với các trường đại học mà còn có ý nghĩa đối với toàn bộ hệ thống giáo dục, là yêu cầu bắt buộc, đồng thời còn là trách nhiệm của tất cả các cơ sở giáo dục. Vấn đề đảm bảo chất lượng trong các trường đại học càng trở nên có ý nghĩa quan trọng trước sự tác động của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các trường trong khâu tuyển sinh đầu vào. Do đó, công tác đảm bảo chất lượng không chỉ phục vụ mục tiêu đánh giá ngoài mà còn là yếu tố nền tảng giúp duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo ở mỗi cơ sở giáo dục đại học, nhất là đảm bảo chất lượng bên trong là khâu không thể thiếu và là nhân tố quyết định để đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng, nhiệm vụ quan trọng là phải xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Điều này vừa mang lại áp lực, vừa tạo cơ hội lớn để đổi mới và phát triển giáo dục đại học. Đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục đại học là một trong những chính sách hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập và quốc tế hóa giáo dục đại học đã được quan tâm đặc biệt. Hội nhập quốc tế về giáo dục đại học phản ánh qua công tác quản trị đại học hiện đại từ cấp hệ thống đến các thành phần, cấu trúc; từ cơ chế lãnh đạo đến các hoạt động giáo dục đại học; các cơ sở giáo dục quan tâm chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng (bao gồm hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, đảm bảo chất lượng bên ngoài) và từng bước tham gia xếp hạng giáo dục.

Đổi mới giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Do đó, giáo dục Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động đổi mới để

kịp thời nắm bắt và làm chủ được các công nghệ hiện đại. Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 cũng đã đề ra nhiệm vụ các trường đại học phải tham gia vào bảng xếp hạng đại học trên thế giới và đặc biệt quan tâm đến vấn đề đổi mới giáo dục đại học theo hướng tự chủ đại học, xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Đây là những sức ép và là đòn bẩy quan trọng để các trường đại học phải đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, từng bước hội nhập về kiểm định chất lượng giáo dục theo các tiêu chí và chuẩn mực của giáo dục đại học trên thế giới trong thời gian tới.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Chất lượng đào tạo là mục tiêu mà các trường đại học luôn hướng tới, để có chất lượng đào tạo thì các cơ sở giáo dục cần phải xây dựng kế hoạch chiến lược, nguồn lực và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống và phù hợp. Việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục nói chung và đảm bảo chất lượng bên trong nói riêng hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau về các thành tố nhưng đều có sự thống nhất về cấu trúc hướng đến duy trì và liên tục cải tiến chất lượng. Trong những năm gần đây, khi mà các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục được quan tâm và xã hội chú trọng thì việc các cơ sở giáo dục xây dựng, phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với điều kiện chung của Việt Nam, của từng trường và với yêu cầu từ bên ngoài. Thông qua việc tìm hiểu các tư liệu, kết quả nghiên cứu, bài viết trình bày một số đặc điểm; tư tưởng, triết lý chủ đạo; và tiêu chuẩn, cơ chế vận hành của một số mô hình đảm bảo chất lượng được sử dụng ở các trường đại học trong và ngoài nước. Qua đó, đề xuất mô hình đảm bảo chất lượng bên trong theo tiếp cận mô hình CIPO trong bối cảnh hội nhập, phát triển giáo dục đại học và cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các kết quả nghiên cứu và thông tin thu thập được qua tư liệu, các bài báo khoa học, các nghiên cứu liên quan đến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của các trường đại học trong và ngoài nước cũng như việc vận dụng, tiếp cận các mô hình quản lý chất lượng tiên tiến của quốc tế vào hệ thống giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để luận giải những nội dung nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các nghiên cứu về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Trong ba thập kỷ vừa qua, có nhiều lý thuyết về đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học xuất hiện ở châu Âu và một vài lý thuyết trong số đó đã trở nên nổi tiếng trên thế giới. Chẳng hạn, lý thuyết của Barnett (1987), Church (1988) cho rằng đảm bảo chất lượng bao gồm một tập các chủ trương, chính sách, nguồn lực, quy trình... triển khai các hoạt động, dịch vụ từ đầu vào, quá trình và đầu ra nhằm tạo ra sản phẩm như mục tiêu kỳ vọng đặt ra từ trước [7].

Đảm bảo chất lượng đã phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng trên toàn thế giới kể từ những năm 1990 [2, tr151-170]. Mặc dù khó có thể đưa ra được một định nghĩa về chất lượng trong giáo dục đại học, song các nhà nghiên cứu cũng cố gắng tìm ra những cách tiếp cận phổ biến nhất về hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục. Cơ sở của các cách tiếp cận này xem chất lượng là một khái niệm mang tính tương đối, tính chất động, đa chiều và với những người ở các cương vị khác nhau có thể có những đánh giá khác nhau khi xem xét về chất lượng. Theo Boele (2007), hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong các trường đại học châu Âu được xây dựng theo các cấp độ: chất lượng của sản phẩm, quá trình, tổ chức hay chính chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng tức là từ yếu tố đầu vào tới đầu ra [1].

Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục thế giới, công tác đảm bảo chất lượng giáo dục tại Việt Nam phát triển từ khá sớm, ở cấp hệ thống, nó bắt đầu từ Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo trong vụ giáo dục đại học sau đó được mở rộng ra nhiều cấp học và trình độ đào tạo khác nhau kể từ năm 2003. Đối với các trường đại học, đảm bảo chất lượng giúp tổ chức đào tạo có chất lượng và hiệu quả, tương xứng với các điều kiện hiện có của nhà trường, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [6, tr.28-30].

Nguyễn Đức Chính (2002) cho rằng, đảm bảo chất lượng là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện. Mỗi quan tâm của nó là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên. Đảm bảo chất lượng phần lớn là trách nhiệm của người lao động, thường làm việc trong các đơn vị độc lập hơn là trách nhiệm của thanh tra viên, mặc dù thanh tra cũng có vai trò nhất định trong đảm bảo chất lượng [5].

Như vậy, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của mỗi cơ sở giáo dục được thiết lập, xây dựng và phát triển nhằm hướng đến việc quản lý công tác vận hành, kiểm tra, đánh giá, đo lường và không ngừng cải tiến chất lượng các hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của nhà trường, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong thực hiện việc kiểm soát, duy trì và nâng cao chất lượng toàn diện cho các hoạt động của cơ sở giáo dục.

3.2. Tổng quan các mô hình đảm bảo chất lượng trong giáo dục

Để hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà trường cần có một quá trình phát triển lâu dài. Vì vậy các cơ sở giáo dục cần xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng, xây dựng một cấu trúc đảm bảo chất lượng để có thể giám sát chất lượng, đánh giá

và cải tiến. Trong những năm qua, các cơ sở giáo dục xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong theo hướng tiếp cận các mô hình đảm bảo chất lượng tiên tiến trên thế giới được nhiều quốc gia áp dụng. Bảng tổng hợp dưới đây trình

bày các mô hình đảm bảo chất lượng theo các tiêu chí xem xét về 1) đặc điểm mô hình; 2) triết lý, tư tưởng chủ đạo; 3) tiêu chuẩn và phương thức vận hành mô hình.

Bảng 1. Một số mô hình đảm bảo chất lượng trong giáo dục

Mô hình đảm bảo chất lượng	Đặc điểm	Triết lý/ Tư tưởng chủ đạo	Tiêu chuẩn và phương thức vận hành
BS 5750/ ISO 9000	Phản ánh hệ thống tổng thể và cụ thể các tiêu chuẩn, quy định, quy trình xác lập, vận nghiệm ngặt để đảm bảo kết quả phù hợp với mục tiêu đề ra.	Là hệ thống chất lượng quản trị quyết định chất lượng sản phẩm; Làm đúng ngay từ đầu là chất lượng nhất, tiết kiệm nhất; Quản trị theo quá trình và ra quyết định dựa trên sự kiện, dữ liệu; Lấy phòng ngừa rủi ro làm yếu tố hàng đầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Sự nhất trí, đồng thuận cao của các bên liên quan; - Áp dụng triệt để các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục... sẽ góp phần tối ưu hóa kết quả, sản phẩm đầu ra theo nhu cầu mong đợi; - Tính tự nguyện được coi như là một tiêu chuẩn chủ yếu trong quá trình triển khai hoạt động.
EFQM	Là mô hình quản lý chất lượng đa chiều trên nguyên tắc tự đánh giá tập trung vào hoạt động của tất cả các cấp, được xây dựng dựa theo chu trình PDCA và được xem như tiêu chuẩn ứng dụng đánh giá chất lượng của châu Âu.	Dựa trên nguyên lý mô hình TQM để định ra các tiêu chí và các mức độ của từng tiêu chí để đánh giá mức độ của một đơn vị.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác lập mục tiêu, đo lường các kết quả của việc thực hiện các mục tiêu đề ra thông qua ý kiến góp ý của các bên liên quan làm cơ sở để rà soát các quy định và thực hiện cải tiến các hoạt động. - 9 tiêu chuẩn và được đánh giá mức độ phát triển qua từng giai đoạn khác nhau (hướng theo hành động, hướng theo tiến trình, hướng theo hệ thống, hướng theo chuỗi, quản lý chất lượng toàn diện).
TQM	Tập trung vào 5 lĩnh vực: (1) sứ mạng và chú trọng đến khách hàng; (2) cách tiếp cận các hoạt động có hệ thống; (3) việc phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực; (4) các tư tưởng dài hạn; và (5) sự phục vụ hết mực. Năm thành phần chính ảnh hưởng đến việc cải tiến chất lượng giáo dục	Xây dựng với triết lý "đúng ngay từ đầu" (Do It Right the First Time), gắn trách nhiệm đảm bảo chất lượng với tất cả các quá trình hoạt động của nó. Cải tiến không ngừng, và có thể đạt được do quần chúng và thông qua quần chúng.	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động kiểm tra, đánh giá, cải tiến chất lượng được thực hiện liên tục để kịp thời phát hiện sai sót và cải tiến ngay tức thì. - Quản lý của một tổ chức định hướng vào chất lượng, dựa trên sự tham gia của mọi thành viên, mang đến sự thành công dài hạn vì lợi ích của cá nhân và xã hội.

	đại học: sự trung thực; chia sẻ quan điểm; kiên nhẫn; hết lòng làm việc; và lý thuyết TQM.		
AUN-QA	Đảm bảo chất lượng tâm chiến lược, hệ thống và chiến thuật; kết hợp đảm bảo chất lượng bên trong (IQA) và đảm bảo chất lượng bên ngoài (EQA), bao gồm cả đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng.	Với triết lý “Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu”.	Thực hiện theo chu trình Deming PDCA, trong từng tiêu chí cũng chỉ rõ “Kế hoạch” (P); “Thực hiện” (D); “Kiểm tra” (C); “Cải tiến” (A) đại hiện cho mỗi giai đoạn của chu trình PDCA.

(Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp, 2020)

3.3. Đề xuất mô hình đảm bảo chất lượng bên trong của Trường đại học trong bối cảnh hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay

3.3.1. Dẫn nhập

Trong tác phẩm *Quản lý chất lượng trong các trường đại học* của tác giả Warren P. D. (1993) xác định các chức năng đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục gồm: xác lập chuẩn, xây dựng quy trình, xác định tiêu chí đánh giá và đo lường, đánh giá, xử lý số liệu. Ngoài ra, năm 2014, khi quy định về kiểm định chất lượng trường đại học được ban hành và tiếp tục được củng cố, phát triển gắn với việc ban hành các quy trình và tiêu chuẩn kiểm định khác. Tuy nhiên, sự hiểu biết và nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng nói chung và đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học nói riêng còn nhiều khác biệt.

Chất lượng luôn là mục tiêu quan trọng trong giáo dục đại học, nhưng để có chất lượng, các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch chiến lược, nguồn lực và tổ chức thực hiện một cách thức phù hợp, có tính hệ thống. Đảm bảo chất lượng được xác định như các hệ thống, chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được xác định từ trước nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng [8]. Hệ thống đảm bảo chất lượng bao gồm đảm bảo chất lượng bên trong (Internal Quality Assurance -

IQA) và đảm bảo chất lượng bên ngoài (External Quality Assurance - EQA).

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được sử dụng khá thông dụng trong nhiều tổ chức giáo dục đại học. Nhưng để phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong ở các cơ sở giáo dục hoạt động một cách có hiệu quả thì vẫn còn nhiều suy ngẫm đối với nhiều nhà quản lý giáo dục. Vì vậy, có một số quan điểm khác nhau về các thành tố của đảm bảo chất lượng, nhưng nhìn chung có sự thống nhất là một hệ thống, cấu trúc hướng đến duy trì và cải tiến chất lượng không ngừng. Đảm bảo chất lượng bên trong xuất phát từ sự đòi hỏi của các bên liên quan tác động đến đầu vào (sinh viên, chương trình, giảng viên, nhân viên, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nguồn lực hỗ trợ hoạt động giảng dạy,...) đến chất lượng quá trình (hoạt động dạy và học, sự phát triển của nhân viên, hoạt động đánh giá và hỗ trợ sinh viên, nghiên cứu khoa học, chất lượng cán bộ,...) và đánh giá chất lượng đầu ra (năng lực nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp, sản phẩm khoa học công nghệ và chuyên gia, đóng góp cho cộng đồng,...) [4, tr.41-50].

Ngày nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai chất lượng giáo dục theo mô hình được nhiều nước trên thế giới sử dụng, trong quá trình tiếp cận với nhiều mô hình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế

giới, mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục ở Việt Nam từng bước được hình thành và hoàn thiện. Một số mô hình quản lý chất lượng giáo dục đại học đã và đang rất phổ biến hiện nay: mô hình ISO 9000, mô hình EFQM, mô hình AUN,... và mô hình CIPO.

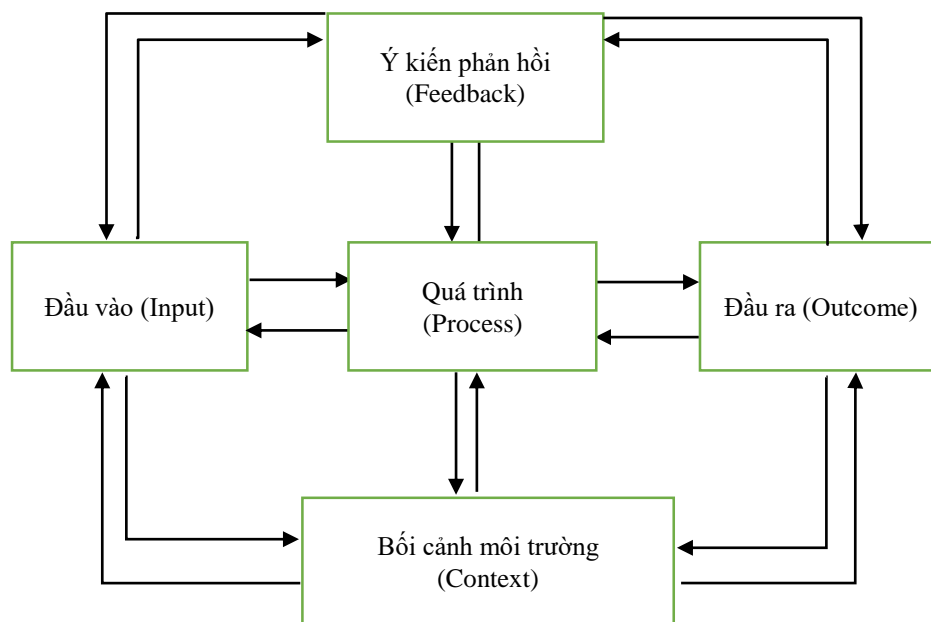
3.3.2. Mô hình đề xuất

Với quan điểm chất lượng đào tạo là một quá trình, năm 2000, UNESCO đã đề xuất mô hình đào tạo CIPO (Context – Input – Process – Outphut/Outcome), đây là một mô hình quản lý hiện đại và hiệu quả. Mô hình CIPO gồm 4 thành tố: bối cảnh môi trường, chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình, chất lượng đầu ra.

Để hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong đạt hiệu quả, các cơ sở giáo dục cần xây dựng quy trình đảm bảo chất lượng với hệ thống công cụ kiểm soát, đánh giá để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng; đồng thời cần có sự phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong nhà trường. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn

về quản lý chất lượng theo cách tiếp cận các mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục tiên tiến, nhóm tác giả đề xuất xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong theo tiếp cận mô hình CIPO bằng cách bổ sung thêm thành tố về thông tin phản hồi của các bên liên quan (Feedback - F, tham chiếu từ nghiên cứu của Damme, 2011, trang 146-153). Thông tin phản hồi là cơ sở để các nhà quản lý xem xét, rà soát, đánh giá những hoạt động của nhà trường nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót, từng bước nâng cao chất lượng trong từng hoạt động, cũng như hiệu quả đạt được trong công tác quản lý chất lượng giáo dục trong bối cảnh các trường đại học ở Việt Nam hiện nay.

Quản lý theo mô hình CIPOF là quản lý các hoạt động gồm 5 thành tố: Đầu vào, quá trình, đầu ra, thông tin phản hồi thu thập từ các bên liên quan và các thành tố này được đặt trong bối cảnh môi trường cụ thể.



Hình 1. Sơ đồ CIPOF [5]

Mô hình quản lý chất lượng theo quá trình trên tập trung vào việc đánh giá chất lượng các yếu tố tác động của bối cảnh môi trường, đầu vào, quá trình, đầu ra và thông tin phản hồi từ

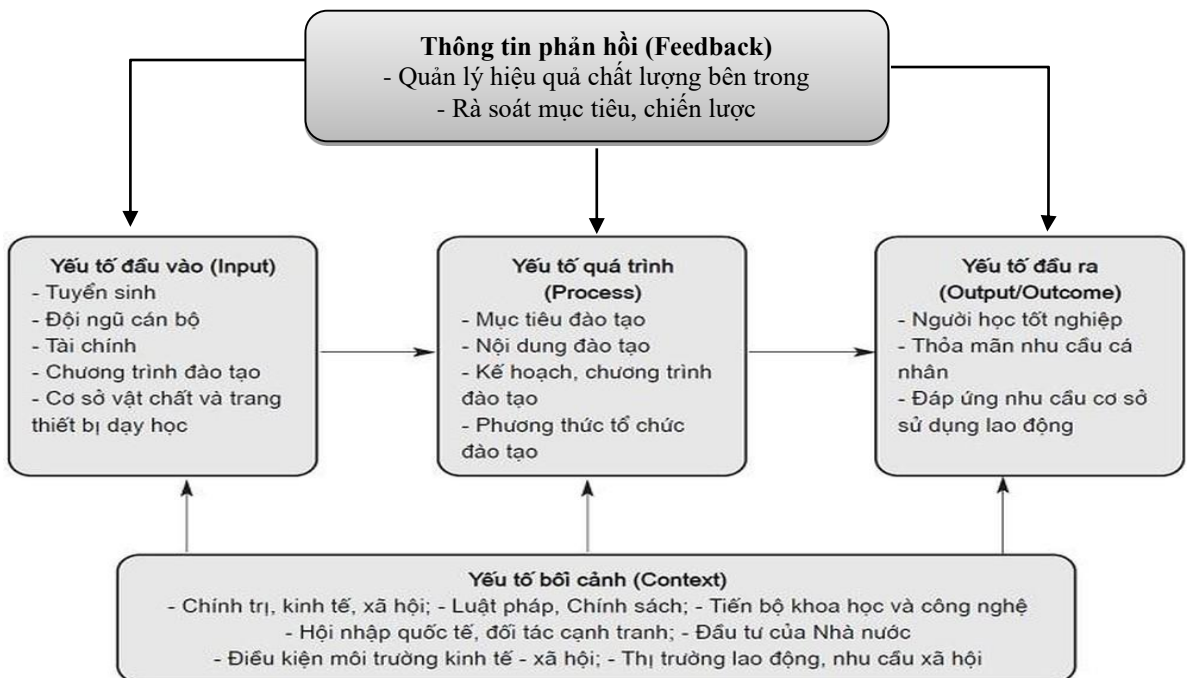
các bên liên quan như: Các yếu tố tác động của môi trường là căn cứ cơ bản xác định mục tiêu, bao gồm: đánh giá môi trường, xác định nhu cầu, chính sách, luật pháp và sự tiến bộ của khoa học

kỹ thuật. Đánh giá yếu tố đầu ra để xem xét điều chỉnh kế hoạch, lựa chọn các nguồn lực như: nhân lực, trang thiết bị, kinh phí, nội dung, phương pháp thực hiện. Đánh giá quá trình quản lý việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, giúp cung cấp thông tin phản hồi thường xuyên nhằm phát hiện, điều chỉnh kịp thời những sai lệch trong quá trình vận hành. Đánh giá đầu ra để xem xét, đánh giá các sản phẩm liên quan đến việc đo lường mục tiêu đề ra, thu thập thông tin, dữ liệu từ các bên liên quan để quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, thay thế một chương trình đào tạo hay một nội dung, phương pháp giảng dạy mới. Thông tin phản hồi phản ánh mức độ hiệu quả của hoạt động quản lý chất lượng trong một cơ sở giáo dục, các thông tin thu thập được qua việc ghi nhận những ý kiến góp ý từ các bên liên quan là cơ sở giúp nhà trường xem xét, điều chỉnh, cải tiến, nâng cao

hiệu quả quản lý chất lượng bên trong và rà soát mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

3.3.3. Cơ chế vận hành mô hình

Để xây dựng, triển khai, duy trì và cải tiến các cấp độ chất lượng trong giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục cần phải thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đủ mạnh để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng, quản lý thực hiện các chủ trương, kế hoạch, chính sách, quy định, văn bản pháp quy trong các hoạt động của mỗi cơ sở giáo dục. Để vận hành mô hình đảm bảo chất lượng bên trong theo hướng tiếp cận mô hình CIPOF được đề xuất ở trên, chúng tôi nêu ra 5 nhóm thành tố tạo nên quy trình hoạt động của cơ sở giáo dục gồm: Hoàn cảnh (Context), Đầu vào (Input), Quản lý quá trình (Process), Kết quả đầu ra (Outcome) và Thông tin phản hồi (Feedback).



Hình 2. Cấu trúc nội dung của mô hình CIPOF

(Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp, 2020)

Để quản lý đào tạo hướng đến chất lượng cần quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình thực hiện đến quản lý các yếu tố đầu ra và thông tin thu thập từ ý kiến góp ý. Cùng với cách tiếp

cận quản lý theo quá trình, mô hình CIPOF đã được nghiên cứu, xem xét bổ sung thành phần về tác động của ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, mô hình này có tính chất kiểm soát quá

trình với tất cả các yếu tố tác động từ môi trường chính sách, kinh tế xã hội, luật pháp, tiến bộ của khoa học kỹ thuật, hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh,... lên quá trình đào tạo để hướng tới chất lượng đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với định hướng phát triển của từng cơ sở giáo dục. Ngày nay, trong thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0 và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật hiện đại, hội nhập quốc tế thì việc đào tạo sinh viên có chất lượng và đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi các cơ sở giáo dục cần xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong theo tiếp cận mô hình CIPOF trong quản lý chất lượng nhà trường là hoàn toàn phù hợp. Để vận dụng mô hình CIPOF vào tình hình thực tế bối cảnh giáo dục các trường đại học ở Việt Nam thì cơ sở giáo dục cần quan tâm các yếu tố của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong:

Yếu tố bối cảnh: Thể hiện qua tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, thể chế, chính sách,... là những định hướng mở đường cho hoạt động đào tạo; vận dụng những tiến bộ của khoa học và công nghệ vào giảng dạy; hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh: những tác động này nhằm giúp cho cơ sở giáo dục có điều kiện so sánh, tự xác định vị trí, giá trị, thương hiệu của mình không chỉ trong nước mà cả khu vực và thế giới; đồng thời, tạo ra cầu nối để tận dụng triệt để những lợi ích trong quá trình liên kết, hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ đào tạo, tiếp cận với chương trình đào tạo tiên tiến của thế giới.

Quản lý đầu vào: Quản lý công tác tuyển sinh: xây dựng chính sách, đề án tuyển sinh phù hợp với nhu cầu xã hội, dự báo khả năng tuyển sinh giúp các cơ sở đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội theo quy luật cung cầu của thị trường lao động. Quản lý công tác tuyển sinh, truyền, hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp với sở thích và nguyện vọng; xây dựng chính sách học bổng phù hợp để thu hút nguồn sinh viên có học lực khá giỏi để

nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào, nâng cao chất lượng trong quá trình đào tạo. Quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu của đào tạo bao gồm: quản lý sử dụng, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng viên; quản lý, tu bổ, sửa chữa các trang thiết bị, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo; quản lý nguồn tài chính, các khoản thu chi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Lập kế hoạch đào tạo và phát triển chương trình đào tạo: trên cơ sở thu thập và phân tích các thông tin, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch đào tạo; kế hoạch chuẩn bị cho các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; các nguồn huy động tài chính,... nhằm giúp cơ sở giáo dục chủ động trong các hoạt động của mình. Xây dựng phát triển các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, phù hợp với mục tiêu phát triển của từng cơ sở giáo dục. Nội dung chương trình đào tạo bao gồm: chương trình đào tạo được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với chuẩn đầu ra; Văn bản chương trình đào tạo, đề cương môn học được công bố công khai; Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo cân bằng giữa lý thuyết, thực hành và thực tập; Nội dung chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên.

Quản lý quá trình: Tổ chức thực hiện chính sách đầu tư và các điều kiện phát triển cho đào tạo và dạy học một cách quyết liệt, triệt để, thường xuyên và liên tục. Việc triển khai các kế hoạch, sử dụng các nguồn lực và tiến hành đánh giá các kết quả đạt được để tạo động lực nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Xây dựng mục tiêu đào tạo của chương trình phải đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển chung của nhà trường và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng. Quản lý các hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên là một quá trình kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa hoạt động dạy và học với quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học. Quản lý các hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của

sinh viên phải được triển khai với quy trình thống nhất; tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng nhằm điều chỉnh kịp thời các hoạt động này để đạt mục tiêu dạy học. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học cần chú ý nhằm bảo đảm kết quả được đánh giá theo quá trình. Tăng cường xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các phương tiện học tập; phối hợp có hiệu quả giữa các cơ sở trong và ngoài trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, rà soát chương trình đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng.

Quản lý đầu ra: Quản lý đầu ra có ý nghĩa quan trọng trong đào tạo nhân lực giúp các cơ sở giáo dục nắm được tình hình có việc làm và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên; trên cơ sở đó, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động đào tạo, điều chỉnh, cải tiến quá trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động. Quản lý đầu ra cần quan tâm đến: Thỏa mãn nhu cầu cá nhân của người học, đáp ứng được kỳ vọng của sinh viên về kiến thức chuyên môn, khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp và hình thành tư duy học tập suốt đời; và Khả năng đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, để thực hiện được điều này thì thông tin phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về kiến thức, trình độ chuyên môn, mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp là cơ sở để nhà trường bổ sung, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc. Đây là 2 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của mỗi cơ sở giáo dục.

Thông tin phản hồi: Việc thu thập thông tin phản hồi, ý kiến đóng góp của các bên liên quan: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp giúp các cơ sở giáo dục tiếp thu ý kiến, đánh giá từ các bên liên quan về năng lực hoạt động, điểm mạnh, tồn tại và hiệu quả hoạt động cũng như cách thức tổ chức, quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm các quy trình quản lý chất lượng tổng thể, sự tích hợp của

chúng vào văn hóa tổ chức của đơn vị để liên tục rà soát, điều chỉnh, cải tiến và hoạch định chiến lược phát triển trong thời gian tiếp theo. Trong bối cảnh xã hội hiện nay, vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang có những tác động trên nhiều khía cạnh xã hội. Khi mà chất lượng đào tạo ở các cơ sở giáo dục cần phải đáp ứng, hài lòng của các đơn vị sử dụng lao động thì việc vận dụng mô hình quản lý tập trung theo tiếp cận CIPOF là cách quản lý khoa học, chất lượng quản lý này được đánh giá trên cơ sở 5 thành tố: đầu vào, quá trình, đầu ra, thông tin phản hồi và những tác động của bối cảnh môi trường trong quá trình thực hiện. Để mô hình này được vận dụng tốt trong giáo dục đại học thì việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong với các chính sách, quy định, thủ tục và văn bản hướng dẫn mà thông qua sự hiện diện và sử dụng chúng có thể đảm bảo rằng sứ mạng và mục tiêu giáo dục được thực hiện, các chuẩn mực được duy trì và không ngừng nâng cao.

4. KẾT LUẬN

Hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là nền tảng cho việc đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục. Xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là vấn đề còn mới trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Các mô hình đảm bảo chất lượng được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng với quan điểm các hoạt động đều hướng đến mục tiêu không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng, hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Quá trình xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và đào tạo của các cơ sở giáo dục. Các chính sách, quy định, quy trình để đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đã được các cơ sở giáo dục xây dựng và ban hành, đảm bảo sự chỉ đạo nhất quán và luôn hướng đến thực hiện có hiệu quả các cam kết chất lượng và mục tiêu phát triển. Chất lượng

giáo dục, trong đó có chất lượng giáo dục đại học là vấn đề quan tâm hàng đầu của xã hội bởi sản phẩm của giáo dục là đào tạo tri thức con người, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho tương lai, đầu tư cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, một dân tộc. Trong xu thế hội nhập ngày nay, sản phẩm của giáo dục phải được đảm bảo chất lượng toàn diện và hiệu quả. Hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đòi hỏi phải ngày càng đi vào chiều sâu, đề cao tính hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các hoạt động cơ bản của một trường đại học, bao gồm cả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ cho cộng đồng. Vận dụng sáng tạo, linh

hoạt các mô hình đảm bảo chất lượng của các nước trên thế giới để xây dựng mô hình đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục vì sự phát triển bền vững có căn cứ cũng như tác động tích cực đến việc duy trì và không ngừng nâng cao các chuẩn mực giáo dục, tạo sự minh bạch về hiện trạng giáo dục. Trong quá trình tiếp cận với nhiều mô hình đảm bảo chất lượng trong đó mô hình quản lý tập trung theo tiếp cận mô hình CIPO trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là một hướng tiếp cận mới và hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Boele, E.B. (2007), *Handbook internal quality assurance in higher education*.
- [2] Cheung, J.C.M. (2015), *Professionalism, profession and quality assurance practitioners in external quality assurance agencies in higher education*. Quality in Higher Education, Vol. 21.
- [3] Damme D. V. (2011), *Standards and Indicators in Institutional and Programme Accreditation in Higher Education: A Conceptual Framework and a Proposal*. Accessed October 14, 2020 at <https://www.semanticscholar.org/paper/VIII.-Standards-and-Indicators-in-Institutional-and-Damme/dcd2c457188634ea1993c4abfb1d4f81c1b5d5c5>.
- [4] Lê Đức Ngọc và Cộng sự (2016), *Mô hình đảm bảo chất lượng trường đại học địa phương: Đảm bảo chất lượng bên trong và đảm bảo chất lượng bên ngoài*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 32, số 1.
- [5] Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Trần Anh Vũ (2015), *Đảm bảo chất lượng bên trong các trường đại học Việt Nam nhìn từ các nghiên cứu trong và ngoài nước*, Tạp chí Giáo dục, số 351.
- [7] Trần Anh Vũ (2017), *Đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong ở một số trường đại học công lập Việt Nam dựa theo tiêu chí đánh giá chất lượng của AUN-QA*. Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Woodhouse, D. (1998). *Audit Manual: Handbook for institutions and members of audit panels*, 3rd edn. New Zealand Universities Academic Audit Unit, Wellington.